

THỜ LÀ GÌ?

Vì sao “thờ tổ tiên” không đồng nghĩa với “thờ phượng tổ tiên”?

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống người Việt, những cách nói như **thờ tổ tiên**, **thờ ông bà**, **thờ cha kính mẹ** đã có từ lâu và được hiểu một cách tự nhiên trong khuôn khổ đạo hiếu. Tuy nhiên, khi đặt trong ngữ cảnh đức tin Công giáo, chữ **THỜ** có thể làm nảy sinh một thắc mắc: đức tin Kitô giáo dạy rằng chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng phải được thờ phượng; vậy người Công giáo có thể nói mình “**thờ tổ tiên**” hay không?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, trước hết phải phân biệt **THỜ** với **THỜ PHƯỢNG**.

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên trực tiếp lưu ý rằng chữ “**thờ**” trong tiếng Việt có một trường nghĩa rộng: từ này có thể được dùng trong tương quan tôn giáo, nhưng cũng có thể diễn tả thái độ kính trọng, vâng phục đối với người trên, như **thờ vua**, **thờ ông bà**, **cha mẹ**. Văn kiện dẫn *Đại Nam Quốc âm Tự vị*, giải thích “**thờ**” là “**kính trọng, tôn trọng, hết lòng cung kính hoặc lập bàn riêng mà tôn kính**”.

Như vậy, trong tiếng Việt, **THỜ** là một từ có trường nghĩa rộng; còn **THỜ PHƯỢNG**, trong ngữ cảnh đức tin Công giáo, mang một ý nghĩa xác định hơn. Vì thế, không phải bất cứ khi nào người Việt dùng chữ “**thờ**” thì đối tượng được thờ cũng được nhìn nhận như thần linh hay được dành cho sự thờ phượng vốn chỉ thuộc về Thiên Chúa.

Xương sống của vấn đề có thể cô đọng trong một mệnh đề:

THỜ TỔ TIÊN, khi được hiểu trong phạm vi đạo hiếu truyền thống Việt Nam, nằm trong phạm trù **HIẾU** 孝, chứ không nằm trong phạm trù **THỜ PHƯỢNG** tuyệt đối dành cho Thiên Chúa.

Chính bốn câu ca dao được đặt ở đầu Văn kiện giúp chúng ta hiểu điều ấy.

1. “Công cha – nghĩa mẹ – thờ mẹ – kính cha”: bốn câu mở đầu Văn kiện

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên mở đầu bằng bốn câu ca dao quen thuộc:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con!*

Ngay sau đó, Văn kiện nhận định rằng những câu ca dao này diễn tả **“mối tương quan ân nghĩa hai chiều giữa công đức sinh dưỡng của mẹ cha và lòng thảo kính của con cái”**.

Hai chữ **“hai chiều”** rất quan trọng.

Đạo hiếu không chỉ có chiều từ con cái hướng lên cha mẹ. Trước khi người con có bốn phận báo hiếu, đã có một chiều đi từ cha mẹ đến con cái: **sinh thành, nuôi dưỡng, bảo vệ, giáo dục và trao truyền**.

Bởi vậy, bốn câu ca dao có thể chia thành hai vế:

Cha mẹ → con cái:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Con cái → cha mẹ:

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Điều đặc biệt là cấu trúc hai chiều ấy lại có thể được soi sáng rất đẹp qua chính cấu tạo của chữ **HIẾU** 孝.

2. HIẾU 孝: trên là LÃO 𠂔, dưới là TỬ 子

Thuyết văn giải tự 《說文解字》 giải chữ 孝:

孝，善事父母者。从老省，从子，子承老也。

Hiếu, thiện sự phụ mẫu giả. Tông lão tỉnh, tông tử; tử thừa lão dã.

Nghĩa là: Hiếu là khéo phụng sự cha mẹ. Chữ gồm thành tố Lão 老 được

tính lược và Tử 子; người con tiếp nối, nâng đỡ người già.

Về cấu tạo chữ, 孝 có thành tố phía trên là dạng tính lược của 老 – Lão, thường thể hiện thành 耂, và phía dưới là 子 – Tử.

Từ cấu tạo ấy, có thể đọc bốn câu ca dao theo một lối diễn giải biểu tượng:

耂 – LÃO – THỂ HỆ TRƯỚC

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

↓ sinh thành – dưỡng dục – giáo huấn – trao truyền ↓

孝 – HIẾU

↑ biết ơn – phụng dưỡng – kính trọng – tưởng nhớ ↑

Một lòng thờ mẹ kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

子 – TỬ – THỂ HỆ SAU

Lưu ý: đây là một cách diễn giải biểu tượng dựa trên cấu tạo chữ 孝, chứ không có nghĩa bốn câu ca dao vốn được sáng tác để chiết tự chữ Hiếu. Tuy nhiên, cách đọc ấy đặc biệt phù hợp với cách chính Văn kiện định nghĩa đạo hiếu là một “mối tương quan ân nghĩa hai chiều”.

Cách giải thích chữ Hiếu trong *Thuyết văn giải tự* còn có thể được soi sáng qua *Hiếu kinh* (孝經), một trong những tác phẩm kinh điển của Nho học bàn về đạo hiếu. Trong thiên *Kỷ hiếu hành* (紀孝行), chương 10, *Hiếu kinh* viết: “孝子之事親也，居則致其敬，養則致其樂，病則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴”，phiên âm Hán Việt: “*Hiếu tử chi sự thân dã, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm*”. Nghĩa là người con có hiếu khi phụng sự cha mẹ phải hết lòng kính trọng trong sinh hoạt thường ngày, đem lại niềm vui khi phụng dưỡng, lo lắng khi cha mẹ đau bệnh, đau buồn khi cha mẹ qua đời và giữ sự trang nghiêm trong việc tế lễ. Như vậy, đạo hiếu không chỉ được biểu hiện qua những nghi thức dành cho người đã khuất, mà trước hết được thực hiện trong chính đời sống gia đình, qua sự kính trọng, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ khi các ngài

còn sống. Điều này cũng giúp hiểu sâu hơn mối tương quan ân nghĩa hai chiều mà văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên đã nhấn mạnh ngay từ phần mở đầu.

3. 𡵓 – LÃO: “Công cha như núi Thái Sơn”

Tại sao không nói đơn giản “công cha như núi cao”, mà lại nói:

Công cha như núi Thái Sơn?

Thái Sơn 泰山 thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, là Đông Nhạc trong hệ thống Ngũ Nhạc 五嶽. Trong truyền thống văn hóa Trung Hoa, Thái Sơn mang địa vị biểu tượng đặc biệt, gắn với phương Đông, với nghi lễ tế tự của đế vương và với những ý niệm về sự cao lớn, vững bền, trang trọng. Hình ảnh ấy được dùng để giải thích công cha như một sự hiện diện to lớn, vững chãi và đem lại sự bình yên cho con cái.

Nhưng “công cha” không chỉ là việc sinh ra một người con. Đó còn là cả quá trình nuôi nấng, dạy dỗ và giúp người con thành người. Bởi vậy, hình ảnh núi rất giàu ý nghĩa.

Núi cao, như công lao khó đo đếm.

Núi vững, như sự nâng đỡ.

Núi bền, như trách nhiệm của cha mẹ không chấm dứt sau khi sinh con.

Và núi lớn không được tạo nên trong một ngày.

Điều này đưa đến một liên tưởng rất đáng chú ý trong cổ điển Hán học.

4. “Thái Sơn không từ đất nhỏ”: từ chuyện Lý Tư nhìn lại công cha

Trong *Gián trực khách thư* 《諫逐客書》, Lý Tư 李斯 viết:

是以太山不讓土壤，故能成其大；河海不擇細流，故能就其深。

Thị dĩ Thái Sơn bất nhượng thổ nhưỡng, cố năng thành kỳ đại; hà hải bất trạch tế lưu, cố năng tựu kỳ thâm.

Có thể hiểu:

Vì thế, Thái Sơn không từ chối đất đai nên mới có thể làm nên cái lớn của mình; sông biển không kén chọn những dòng nước nhỏ nên mới có

thể làm nên cái sâu của mình.

Câu văn trên nằm trong *Gián trực khách thư*, một áng cổ văn nổi tiếng gắn với sự kiện trục khách dưới thời Tần. Năm thứ 10 đời Tần vương Chính (237 tCN), triều đình nước Tần ban lệnh trục xuất những khách khanh đến từ các nước chư hầu. Lý Tư (khoảng 280–208 tCN), vốn là người nước Sở và khi ấy đang làm quan tại Tần, cũng thuộc diện bị trục xuất. Trước tình thế đó, ông dâng lên Tần vương Chính bài *Gián trực khách thư* 諫逐客書 để can gián. Trong thư, Lý Tư viện dẫn nhiều nhân vật, sự kiện và sản vật từ bên ngoài đã góp phần làm nên sự cường thịnh của nước Tần, qua đó chỉ ra rằng một bậc quân vương muốn thành tựu nghiệp lớn không nên khước từ nhân tài chỉ vì họ xuất thân từ nước khác. Tần vương Chính nghe theo lời can gián và thu hồi lệnh trục khách.

Nguyên văn của Lý Tư không bàn về đạo hiếu, cũng không trực tiếp nói đến công cha. Tuy nhiên, câu “Thái Sơn không từ đất nhỏ nên mới thành được cái lớn” có thể được dùng như một liên tưởng cổ điển để soi sáng thêm hình tượng “công cha như núi Thái Sơn” trong ca dao Việt Nam.

Thái Sơn sở dĩ thành lớn bởi không từ bỏ những phần đất nhỏ. Cũng vậy, công cha không nhất thiết chỉ được làm nên bởi một sự hy sinh phi thường hay một việc lớn lao duy nhất, mà được bồi đắp qua vô số việc tưởng như nhỏ bé trong suốt cuộc đời người con: một bữa ăn, một lần chăm bệnh, một buổi đưa đón, một lời dạy bảo, một lần sửa lỗi, một đêm thức trắng, một sự hy sinh âm thầm. Từng việc riêng lẻ có thể rất nhỏ, nhưng năm tháng chồng lên năm tháng, tất cả hợp lại thành một “ngọn Thái Sơn” trong đời người con.

Từ liên tưởng ấy, có thể đọc hình ảnh cha mẹ trong việc sinh thành và dưỡng dục như những người không từ bỏ những điều nhỏ bé, không chọn việc dễ mà bỏ việc khó, nhưng đón nhận mọi bốn phận để gìn giữ, nuôi dưỡng và làm cho món quà “con cái” mà Thiên Chúa trao ban được lớn lên và thành toàn.

Vì thế, cái “lớn” của công cha có thể được liên tưởng với cái lớn của Thái Sơn: không phải chỉ lớn vì một điều phi thường, mà lớn vì được

bồi đắp bằng vô số điều nhỏ bé, âm thầm và bền bỉ qua năm tháng.

5. 夬 – LÃO: “Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

Nếu **công cha** được ví với núi, **nghĩa mẹ** được ví với nước:

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Câu ca dao không chỉ nói đơn giản rằng “nghĩa mẹ như nước”, mà nói đầy đủ là “nước trong nguồn chảy ra”. Ba yếu tố **nguồn – chảy – ra** làm cho hình tượng này trở nên đặc biệt giàu ý nghĩa.

Nguồn chỉ nơi khởi phát; chảy diễn tả sự vận động liên tục; còn ra xác định chiều hướng của sự trao ban: từ nguồn mà đi đến nơi tiếp nhận. Vì thế, nước ở đây không phải là một khối nước đứng yên, mà là nước có nguồn và từ nguồn không ngừng tuôn chảy.

Hình ảnh ấy rất thích hợp để diễn tả nghĩa mẹ. Người mẹ cưu mang, sinh thành và dưỡng dục; sự sống của người con được đón nhận, cưu mang và bắt đầu thành hình trong lòng mẹ. Theo cái nhìn Kitô giáo, mẹ không phải là nguồn tuyệt đối của sự sống, bởi sự sống là hồng ân đến từ Thiên Chúa; nhưng người mẹ là người được Thiên Chúa trao phó một cách đặc biệt sứ mạng đón nhận, cưu mang, sinh thành và dưỡng dục người con.

Nước nguồn không giữ nước cho riêng mình. Nước từ nguồn mà chảy ra.

Tình mẹ cũng vậy. Tình yêu của mẹ mang chiều hướng đi ra khỏi chính mình để hướng đến người con: qua việc cưu mang, sinh nở, nuôi ăn, chăm sóc, bảo vệ, dạy dỗ, tha thứ và hy sinh. Từng ngày, từng tháng, từng năm, sự trao ban ấy tiếp tục như một dòng nước từ nguồn không ngừng chảy ra.

Ở một tầng liên tưởng khác của tư tưởng Đông phương, hình ảnh nước còn có thể được đặt bên cạnh Thủy 水 và quẻ Khảm 坎 ☵ trong Kinh Dịch. Khảm có tượng là nước. Đáng chú ý, đồ hình ☵ gồm một hào dương ở giữa hai hào âm; khi xoay ngược 180 độ, cấu trúc ấy vẫn không thay đổi. Xét riêng về mặt hình tượng, đặc tính này có thể gọi một liên tưởng đẹp về sự trước sau như một, bền bỉ và thủy chung của

tình mẹ: dù hoàn cảnh đổi thay, tình thương dành cho con vẫn bền bỉ như dòng nước tiếp tục chảy.

Tuy nhiên, đây là một cách diễn giải biểu tượng bằng hệ thống tư tưởng Đông phương, nhằm mở rộng trường liên tưởng của hình ảnh nước; không phải là nguồn gốc trực tiếp của câu ca dao, cũng không có nghĩa Kinh Dịch vốn dùng quẻ Khảm để biểu thị tình mẫu tử.

Đặt bên cạnh nhau, núi và nước nguồn tạo thành hai hình tượng vừa tương phản vừa bổ sung:

Công cha → NÚI → vững chãi – nâng đỡ – tích tụ.

Nghĩa mẹ → NƯỚC NGUỒN → khởi phát – tuôn chảy – nuôi dưỡng.

Núi biểu thị cái cao, lớn, vững bền và được bồi đắp; nước nguồn biểu thị cái khởi sinh, liên tục, trao ban và nuôi dưỡng. Một bên nhấn mạnh sự vững chãi, một bên nhấn mạnh sự tuôn chảy; một bên là sức nâng đỡ, một bên là nguồn nuôi sống.

Nhưng hai hình tượng ấy không nhằm phân chia cứng nhắc rằng cha chỉ thuộc về “núi”, còn mẹ chỉ thuộc về “nước”. Trong thực tế, cả cha lẫn mẹ đều nâng đỡ, nuôi dưỡng, hy sinh và trao ban. Ca dao dùng hai hình tượng khác nhau để cùng quy tụ về một thực tại duy nhất: ân nghĩa sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Bởi vậy, nếu “công cha như núi Thái Sơn” gọi lên cái lớn lao được bồi đắp và đứng vững qua năm tháng, thì “nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” lại gọi lên một tình yêu có nguồn, có dòng và không ngừng trao ban. Núi đứng đó mà nâng đỡ; nước chảy đi mà dưỡng nuôi. Núi và nước, tĩnh và động, cùng làm nên một biểu tượng trọn vẹn về công cha nghĩa mẹ.

6. Cha mẹ cũng có bổn phận với con cái

Đây là một điểm rất quan trọng nhưng thường bị bỏ quên khi nói về chữ Hiếu.

Người ta thường nói: Con cái phải có hiếu với cha mẹ.

Điều ấy đúng, nhưng chưa đủ.

Nếu **hiếu** 孝 có **lão** 𠂔 ở trên và **tử** 子 ở dưới, thì trước khi nói đến sự đáp trả của **tử** 子 – người con, cần nhìn đến trách nhiệm của **lão** 𠂔 – thế hệ đi trước.

Chính Văn kiện khẳng định sự hiệp thông gia đình không chỉ bao hàm bốn phận của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, mà còn có bốn phận của ông bà, cha mẹ đối với con cháu. Văn kiện gọi đây là mối tương quan thụ ân và thi ân giữa các thế hệ: người đi sau nhận lãnh từ người đi trước và lại có trách nhiệm truyền lại cho thế hệ tiếp theo.

Điều ấy cũng có nền tảng rõ ràng trong Thánh Kinh.

Sau khi dạy:

“Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ trong Chúa... Hãy tôn kính cha mẹ.”

Thánh Phaolô lập tức nói với thế hệ làm cha mẹ:

“Những bậc làm cha mẹ, đừng làm cho con cái tức giận, nhưng hãy giáo dục chúng thay mặt Chúa bằng cách khuyên răn và sửa dạy.” (x. Ep 6,1-4)

Giáo huấn ấy còn được trình bày rõ ràng trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Các số 2221–2223 nhấn mạnh rằng cha mẹ có trách nhiệm giáo dục con cái, trước hết bằng việc tạo dựng một mái ấm gia đình thấm nhuần tình yêu thương, sự tha thứ, lòng kính trọng và tinh thần phục vụ. Cha mẹ không chỉ trao ban sự sống thể lý, mà còn có bốn phận hướng dẫn con cái trưởng thành về nhân cách, luân lý và đời sống đức tin. Vì vậy, khi đặt giáo huấn Công giáo bên cạnh cách giải thích chữ **Hiếu** (孝) theo hai thành tố **Lão** (𠂔) và **Tử** (子), có thể nhận thấy một điểm tương đồng đáng chú ý: đạo hiếu không chỉ là bốn phận của người con đối với cha mẹ, mà còn được nuôi dưỡng từ trách nhiệm sinh thành, giáo dục và trao truyền của thế hệ đi trước đối với thế hệ đi sau.

Thư Cô-lô-xê cũng đặt hai chiều ấy cạnh nhau: con cái phải vâng lời cha mẹ; đồng thời những người làm cha không được làm cho con cái bức tức đến nỗi chúng ngã lòng (x. Cl 3,20-21).

Sách Châm Ngôn cho thấy một chiều kích khác của trách nhiệm cha mẹ: trao truyền giáo huấn:

“Này con, giáo huấn của thân phụ, con hãy nghe; lời dạy của thân mẫu, con đừng gạt bỏ.” (x. Cn 1,8)

Như vậy, hai câu:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

không chỉ là lời ca ngợi cha mẹ. Chúng còn nhắc đến ơn gọi và trách nhiệm của thế hệ đi trước đối với thế hệ đi sau.

Đó chính là chiều **lão** 𠂇 → **tử** 子 của chữ **hiếu** 孝.

7. 子 – TỬ: “Một lòng thờ mẹ kính cha”

Nếu hai câu đầu diễn tả chiều từ cha mẹ đến con cái, hai câu sau diễn tả sự đáp trả:

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Đây chính là chiều **tử** 子 → **lão** 𠂇.

Người con là người thụ ân. Sự sống mình đang có không phải do chính mình tạo ra. Trước mình có cha mẹ; trước cha mẹ có ông bà; trước ông bà lại có những thế hệ tổ tiên.

Bởi vậy, hiếu trước hết là ý thức mình đã nhận lãnh, từ đó phát sinh lòng biết ơn.

Thánh Kinh truyền dạy:

“Người hãy thờ cha kính mẹ.” (x. Xh 20,12; Đnl 5,16)

Sách Huấn Ca dành một phần rất đẹp để nói về bốn phận đối với cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ tuổi già: phải chăm sóc, kính trọng và không được khinh dễ các ngài khi trí lực suy giảm (x. Hc 3,1-16).

Thánh Phaolô nhắc lại:

“Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa.” (x. Ep 6,2-3)

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, các số 2214–2215, cũng xác định rằng lòng kính trọng của con cái đối với cha mẹ bắt nguồn từ sự biết ơn

những người đã trao ban sự sống, nuôi dưỡng và giáo dục mình. Lòng biết ơn ấy không dừng lại ở tình cảm, nhưng phải được thể hiện bằng những hành vi cụ thể trong đời sống. Đặt bên cạnh Hiếu kinh, có thể nhận thấy sự gặp gỡ giữa hai truyền thống trong việc đề cao bốn phận kính trọng và phụng dưỡng cha mẹ. Tuy nhiên, cần phân biệt rằng Hiếu kinh trình bày đạo hiếu trong hệ thống luân lý và lễ chế Nho giáo, còn giáo lý Công giáo đặt bốn phận ấy trong tương quan với Thiên Chúa và Điều răn thứ tư. Sự tương đồng về giá trị đạo đức không có nghĩa hai truyền thống hoàn toàn đồng nhất về nền tảng tư tưởng và tín ngưỡng. Như vậy, chiều tử 子 → lão 老 được thể hiện bằng sự biết ơn, vâng phục, kính trọng, phụng dưỡng và tưởng nhớ.

Và chính ở đây xuất hiện chữ rất quan trọng:

“Một lòng THỜ mẹ kính cha.”

8. “Thờ mẹ” có phải là “thờ phượng mẹ” không?

Câu ca dao này cung cấp một bằng chứng ngôn ngữ rất rõ để hiểu chữ THỜ trong tiếng Việt.

Dân gian nói:

“Một lòng THỜ mẹ kính cha.”

Không ai vì câu ấy mà hiểu rằng người mẹ được coi là thần linh để thờ phượng, còn người cha chỉ được kính trọng.

“Thờ mẹ” ở đây có nghĩa là hết lòng kính trọng, phụng dưỡng, biết ơn và giữ trọn đạo làm con đối với mẹ.

Vì vậy, chính cách dùng của tiếng Việt cho thấy:

THỜ không mặc nhiên đồng nghĩa với THỜ PHƯỢNG.

Văn kiện cũng lưu ý điều này. Chữ “thờ” trong tiếng Việt có thể dùng trong tương quan với thần linh, nhưng cũng có thể dùng để chỉ sự kính trọng và vâng phục đối với người trên, như thờ vua, thờ ông bà, cha mẹ.

Bởi vậy, nếu người Việt nói “thờ ông bà”, “thờ tổ tiên”, không thể chỉ thấy chữ thờ rồi kết luận ngay rằng người ấy đang thờ phượng tổ tiên như thần linh.

Muốn hiểu đúng phải xét đối tượng, ý hướng, niềm tin và ý nghĩa của hành vi.

9. THỜ khác THỜ PHƯỢNG như thế nào?

Đây là điểm cốt lõi.

Trong tiếng Việt: **THỜ** là từ có nghĩa rộng.

Trong thần học Công giáo: **THỜ PHƯỢNG** có ý nghĩa xác định hơn: sự tôn thờ tuyệt đối dành cho **Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa**.

Văn kiện sử dụng hai thuật ngữ truyền thống của thần học là **latría** và **dulia**. *Latría* chỉ sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa; *dulia* chỉ sự tôn kính dành cho các thánh và những người công chính. Văn kiện cũng nhận xét rằng người Công giáo Việt Nam đã hình thành những từ kép để diễn tả rõ hơn các cấp độ này: **thờ lạy, thờ phượng, thờ kính, tôn thờ**; bên cạnh những từ như **tôn kính, tôn sùng, sùng kính**.

Sự phân biệt ấy có nền tảng rõ ràng trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Các số 2096–2097 trình bày việc thờ phượng Thiên Chúa như hành vi căn bản của nhân đức thờ phượng, qua đó con người nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, là Chúa và là cùng đích của mọi loài. Trong khi đó, các số 2112–2114 cảnh giác việc thờ ngẫu tượng, nghĩa là dành cho một thụ tạo hoặc một thực tại không phải Thiên Chúa sự tôn thờ vốn chỉ thuộc về Người. Như vậy, xét theo giáo lý Công giáo, sự khác biệt giữa thờ kính tổ tiên và thờ phượng Thiên Chúa không chỉ nằm ở cách dùng từ ngữ, mà còn ở bản chất của mối tương quan và đối tượng của hành vi tôn giáo. Người Công giáo có thể tôn kính, tưởng nhớ và biết ơn tổ tiên, nhưng không thể dành cho tổ tiên sự thờ phượng tuyệt đối chỉ thuộc về Thiên Chúa. Đây cũng chính là nguyên tắc thần học giúp giải thích tại sao chữ “thờ” trong truyền thống ngôn ngữ Việt Nam không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với “thờ phượng” trong thần học Công giáo.

Vì vậy có thể nói:

Mọi sự thờ phượng đều thuộc phạm vi “thờ”, nhưng không phải mọi trường hợp có chữ “thờ” đều là thờ phượng.

Và:

Thờ tổ tiên theo đạo hiếu ≠ thờ phượng tổ tiên như thần linh.

10. THỜ TỔ TIÊN nằm trong chữ HIẾU 孝

Đây là điểm quy tụ toàn bộ vấn đề.

Khi người Việt nói **thờ tổ tiên**, chữ **THỜ** trước hết được đặt trong mối tương quan:

lão 𠂔 ↔ tử 子

tức:

thế hệ đi trước ↔ thế hệ đi sau

và mối tương quan ấy được cô đọng trong chữ:

孝 – HIẾU

Tổ tiên, ông bà, cha mẹ trao cho con cháu sự sống, nuôi dưỡng, giáo dục, gia sản tinh thần và kỷ ước gia đình.

Con cháu đáp lại bằng sự biết ơn, phụng dưỡng khi các ngài còn sống, tưởng nhớ khi các ngài qua đời, gìn giữ gia phong và cầu nguyện cho các ngài.

Vì thế: **THỜ TỔ TIÊN → HIẾU KÍNH → TRI ÂN → TUỞNG NHỚ.**

Trong khi: **THỜ PHƯỢNG → latria → chỉ dành cho THIÊN CHÚA.**

Hai phạm trù không đồng nhất.

Trong *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân* (喪親), chương 18, có câu: “生事愛敬，死事哀戚”，phiên âm Hán Việt: “*Sinh sự ái kính, tử sự ai thích*”, nghĩa là khi cha mẹ còn sống thì phụng sự bằng lòng yêu thương và kính trọng, khi cha mẹ qua đời thì bày tỏ lòng đau buồn, thương tiếc. Câu văn này cho thấy việc tưởng nhớ người đã khuất không tách rời bốn phận phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, mà là sự tiếp nối của cùng một mối quan hệ đạo hiếu. Khi khảo cứu phong tục thờ kính tổ tiên trong văn hóa Việt Nam, cần đặt các nghi thức tưởng niệm trong mạch liên tục ấy, đồng thời phân biệt ý nghĩa luân lý của lòng hiếu thảo với những quan niệm tín ngưỡng cụ thể gắn với từng hình thức tế tự. Chính

từ sự phân biệt này mà việc thờ tổ tiên có thể được nhận diện trước hết như một cách biểu lộ lòng biết ơn, tưởng nhớ và gìn giữ mối liên hệ giữa các thế hệ.

11. Một nén hương hay một cái lạy chưa đủ để kết luận là “thờ phượng”

Từ sự phân biệt trên, có thể hiểu tại sao không thể chỉ nhìn một động tác bên ngoài để kết luận người ta đang thờ phượng.

Một người cúi đầu trước quan tài cha mẹ không có nghĩa là coi cha mẹ là Thiên Chúa.

Một người đặt hoa trước di ảnh người quá cố không có nghĩa là thần thánh hóa người ấy.

Một người vái lạy trước bàn thờ tổ tiên cũng không nhất thiết đang thờ phượng tổ tiên như thần linh.

Quyết nghị năm 1974 đã nói rõ rằng việc **đốt nhang hương, đèn nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ, giương thờ tổ tiên** có thể là những cử chỉ biểu lộ lòng hiếu thảo và tôn kính.

Văn kiện hiện nay cũng cho phép trong những hoàn cảnh thích hợp những cử chỉ hiếu kính như **cúi mình, thắp hương, dâng hoa quả**, miễn là chúng biểu lộ lòng biết ơn, tôn kính chứ không mang ý nghĩa thờ phượng thần linh.

Bởi vậy, không thể chỉ hỏi:

Có thắp hương không? Có lạy không? Có bàn thờ không?

Mà phải hỏi sâu hơn:

**Người ấy đang làm việc đó với ai? Với niềm tin nào? Với ý nghĩa gì?
Và nhìn nhận đối tượng ấy là ai?**

12. Ranh giới nằm ở việc có thần linh hóa tổ tiên hay không

Đây có lẽ là cách giải thích dễ hiểu nhất.

Nếu một người đứng trước bàn thờ tổ tiên và ý thức:

Đây là cha mẹ, ông bà, tổ tiên của tôi. Tôi kính nhớ, biết ơn và cầu

nguyện cho các ngài.

thì đó thuộc phạm vi **đạo hiếu** (cách sống theo chữ hiếu).

Nhưng nếu người ấy cho rằng:

Tổ tiên là những thần linh tự mình có quyền ban phúc, giáng họa và quyết định vận mệnh của con cháu, nên phải cúng tế để xin các ngài ban phát hoặc tránh sự trừng phạt,

thì ý nghĩa đã thay đổi.

Văn kiện sử dụng chính ranh giới này khi cho phép những cử chỉ hiếu kính trong lễ gia tiên nhưng yêu cầu tránh việc khấn vái tổ tiên như thần linh có quyền ban ơn giáng họa.

Vấn đề, vì thế, không nằm tự thân trong nén hương, đĩa hoa hay cái lạy, mà nằm trong ý nghĩa tôn giáo mà con người đặt vào hành vi ấy.

13. Bàn thờ tổ tiên có phải là bàn thờ thần linh?

Cũng từ nguyên tắc ấy có thể hiểu bàn thờ gia tiên.

Văn kiện khuyến khích mỗi gia đình Công giáo có thể lập một **bàn thờ gia tiên đơn sơ và trang nghiêm**, đặt di ảnh người đã khuất và những lễ vật mang ý nghĩa tưởng niệm như hương, hoa, đèn nến. Đồng thời Văn kiện nhấn mạnh điều người quá cố cần nơi người còn sống là lời cầu nguyện, Thánh lễ và những việc hy sinh, bác ái được thực hiện để cầu cho họ.

Như vậy, bàn thờ gia tiên của người Công giáo không phải một bàn thờ thần linh đặt cạnh bàn thờ Thiên Chúa.

Đó là **không gian của ký ức, lòng biết ơn và đạo hiếu**.

Đối với người Công giáo, ý nghĩa của việc tưởng nhớ tổ tiên còn được soi sáng bởi giáo huấn về sự hiệp thông trong Hội Thánh. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 958, nhấn mạnh rằng sự hiệp thông với những người đã qua đời không bị gián đoạn và việc cầu nguyện cho họ là một cách diễn tả tình hiệp thông ấy. Số 1032 trình bày việc cầu nguyện cho người đã chết, đặc biệt qua hy tế Thánh Thể, đồng thời nhắc đến những việc bác ái và đền tội được thực hiện để cầu giúp họ. Như vậy, bàn thờ

gia tiên trong gia đình Công giáo có thể là nơi gợi nhớ công đức của ông bà tổ tiên và nhắc nhở con cháu cầu nguyện cho các ngài, nhưng không phải là nơi thiết lập một đối tượng thờ phượng khác bên cạnh Thiên Chúa. Chính ý nghĩa ấy giúp phân biệt việc tôn kính tổ tiên với những hình thức tế tự đặt tổ tiên vào địa vị thần linh có quyền năng độc lập để ban phúc hoặc giáng họa.

Tên gọi “bàn thờ” cũng phải được hiểu trong trường nghĩa rộng của chữ thờ mà tiếng Việt đã sử dụng.

14. Từ ƠN 恩 đến HIẾU 孝

Mối liên hệ rất đáng chú ý giữa ƠN 恩 và HIẾU 孝 qua hai câu:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

có thể được giải thích là ơn của Thiên Chúa ban cho người con qua cha mẹ.

Còn:

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

là sự đáp trả của người con đối với cha mẹ.

Có thể diễn tả toàn bộ tiến trình:

THIÊN CHÚA

↓

ƠN SỰ SỐNG

↓

TỔ TIÊN – ÔNG BÀ – CHA MẸ

↓

CON CHÁU

↓

NHẬN ƠN → BIẾT ƠN → BÁO ƠN

↓

HIẾU 孝

Ở đây, Hiếu không phải sự sợ hãi trước quyền lực thần bí của tổ tiên.

Hiếu bắt nguồn từ ý thức về **Ơn**.

Bởi đã nhận nên biết ơn.

Bởi biết ơn nên kính.

Bởi kính nên phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống.

Bởi biết ơn nên tưởng nhớ khi các ngài qua đời.

Và đối với người Công giáo, bởi tin vào sự hiệp thông trong Đức Kitô, nên còn **cầu nguyện cho những người đã qua đời**.

15. Một dòng ân nghĩa nối tiếp qua các thế hệ

Nhìn theo cách ấy, chữ **hiếu** 孝 không phải một quan hệ khép kín giữa một người cha và một người con.

Người con hôm nay rồi sẽ trở thành cha hoặc mẹ của ngày mai.

Người đang là **tử** 子 đối với thế hệ trước sẽ trở thành **lão** 耆 đối với thế hệ sau.

Vì thế:

TỔ TIÊN → ÔNG BÀ → CHA MẸ → CON → CHÁU → CHẮT

là một dòng trao truyền.

Thế hệ trước trao cho thế hệ sau **sự sống, tình thương, giáo dục, đức hạnh, văn hóa và đức tin**.

Thế hệ sau **nhận lãnh, biết ơn, gìn giữ rồi lại truyền** cho thế hệ kế tiếp.

Đó chính là điều Văn kiện gọi là **“thiên ân thừa hưởng từ những thế hệ đi trước và trách nhiệm truyền thụ cho những thế hệ đến sau”**.

Bởi vậy, **Hiếu** 孝 vừa là ký ức, vừa là trách nhiệm.

Nhìn về trước, ta nhớ mình đã nhận từ ai.

Nhìn về sau, ta tự hỏi mình sẽ trao lại điều gì.

16. “Thờ tổ tiên” cuối cùng quy hướng về đâu?

Đối với người Công giáo, sự sống được trao truyền qua tổ tiên và cha mẹ, nhưng nguồn mạch tối hậu của sự sống là Thiên Chúa.

Bởi vậy, Điều Răn Thứ Tư:

“Người hãy thờ cha kính mẹ”

không đối nghịch với Điều Răn Thứ Nhất mà có nguồn mạch từ Điều Răn Thứ Nhất.

Văn kiện đặt lòng thảo kính cha mẹ và tổ tiên trong chính trật tự ấy: người tín hữu vừa phải tôn thờ Thiên Chúa, vừa phải chu toàn bốn phận đối với cha mẹ.

Có thể diễn tả thành hai chiều:

Thiên Chúa → ban sự sống → tổ tiên → ông bà → cha mẹ → con cháu
và:

Con cháu → biết ơn → hiếu kính cha mẹ, ông bà, tổ tiên → nhận biết nguồn mạch sự sống là Thiên Chúa.

Văn kiện kết luận rằng khi nhận ra sự sống là hồng ân Thiên Chúa, con người càng biết tri ân những người đã cộng tác vào việc trao truyền hồng ân ấy; và **lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, ông bà và tổ tiên cuối cùng quy hướng về Thiên Chúa, nguồn mạch và cùng đích của mọi sự sống.**

THỜ NẪM TRONG CHỮ HIẾU

Bây giờ có thể trở lại câu hỏi ban đầu:

Người Công giáo có “thờ tổ tiên” được không?

Nếu chữ **THỜ** được hiểu theo nghĩa truyền thống Việt Nam là **hết lòng kính nhớ, biết ơn và giữ đạo hiếu**, thì cụm từ **“thờ tổ tiên”** không đồng nghĩa với **“thờ phượng tổ tiên”**.

Bốn câu ca dao mở đầu Văn kiện đã nói điều ấy bằng một ngôn ngữ rất Việt Nam:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Đó là chiều:

lão 𠂔 → **tử** 子

thế hệ trước → **thế hệ sau**

sinh thành → **dưỡng dục** → **trao truyền**.

Và:

Một lòng thờ mẹ kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Đó là chiều:

tử 子 → **lão** 𠂔

thế hệ sau → **thế hệ trước**

nhận ơn → **biết ơn** → **báo ơn**.

Hai chiều gặp nhau thành:

𠂔 + 子 → 孝

LÃO + TỬ → HIẾU

Và chính ở đây có thể xác định vị trí của chữ **THỜ**:

THỜ TỔ TIÊN NẪM TRONG CHỮ HIẾU 孝

chứ không nằm trong phạm trù:

THỜ PHƯỢNG TUYỆT ĐỐI DÀNH CHO THIÊN CHÚA.

Một nén hương tưởng nhớ không tự nó biến tổ tiên thành thần linh.

Một cái lạy của người con không tự nó biến cha mẹ thành thần linh. Một bàn thờ gia tiên không tự nó trở thành nơi thờ một vị thần.

Bản chất nằm ở mối tương quan và ý nghĩa.

Người con thờ mẹ kính cha vì đã nhận ơn sinh thành dưỡng dục.

Con cháu thờ kính tổ tiên vì biết mình có nguồn cội.

Người Công giáo thờ phượng Thiên Chúa vì tuyên xưng Ngài là Đấng Tạo Hóa, nguồn mạch và cùng đích tối hậu của sự sống.

Phân biệt được ba tầng ấy, chữ **THỜ** không còn là nguyên nhân gây xung đột giữa đạo hiếu Việt Nam và đức tin Công giáo. Trái lại, nó giúp

ta nhận ra một trật tự sâu xa:

Từ **ƠN** 恩 mà sinh lòng **BIẾT ƠN**;

từ **BIẾT ƠN** mà thành **HIẾU** 孝;

trong chữ **HIẾU** có sự **THỜ KÍNH** tổ tiên;

còn sự **THỜ PHƯỢNG** tuyệt đối chỉ dành cho **THIÊN CHÚA**.

Đó cũng là lý do câu “Một lòng thờ mẹ kính cha” có thể trở thành chiếc chìa khóa ngôn ngữ và văn hóa để đọc toàn bộ vấn đề: **THỜ trong đạo hiếu** là sự đáp trả ân nghĩa giữa các thế hệ; **THỜ PHƯỢNG trong đức tin** là sự quy phục tuyệt đối của thụ tạo đối với Đấng Tạo Hóa.

Hai điều cần được phân biệt rõ ràng, nhưng không đối nghịch nhau. Khi được đặt đúng trật tự, **đạo hiếu đối với tổ tiên không làm suy giảm việc thờ phượng Thiên Chúa**; trái lại, lòng biết ơn đối với những người đã trao truyền sự sống có thể dẫn con người trở về nhận biết Nguồn Sự Sống là chính Thiên Chúa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, công bố ngày 7.10.2025.

Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, đặc biệt các số 958, 1032, 2096–2097, 2112–2114, 2214–2215 và 2221–2223.

Nguyễn Hạnh, *Từ Hiếu Kinh đến Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, 2024; đặc biệt thiên *Kỷ hiếu hành* (紀孝行), chương 10, và thiên *Tang thân* (喪親), chương 18.

Nguyễn Hạnh, *Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, 2025.

Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam, *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên*, Nha Trang, ngày 14.11.1974.

Hứa Thận (許慎), *Thuyết văn giải tự* (說文解字), mục chữ *Hiếu* (孝).

Lý Tư (李斯), *Gián trực khách thư* (諫逐客書).